

Bản án số: 35/2019/HNGĐ - ST
Ngày 07-11-2019
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2019/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị Thùy D, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Tiến L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Tạ Thị Thùy D trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Tiến L trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 11-11-2013 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại nhà bố mẹ đẻ anh L ở thôn N, xã T, huyện

K được gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L ham chơi bời, không quan tâm gì tới gia đình và thường xuyên hành hạ, đánh đập chị ngay cả khi chị đang mang thai. Sau khi chị sinh con được 25 ngày, do không chịu đựng được sự hành hạ của anh L nên chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn T, xã N, huyện L sinh sống, vợ chồng li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Tiến L.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Tiến L trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh với chị Tạ Thị Thùy D đúng như chị D đã trình bày. Anh L xác định sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống rất hòa thuận với nhau, không có mâu thuẫn gì. Song do công việc chị D phải về quê để ở xã N, huyện L làm việc nên từ năm 2015 anh chị mới ở hai nơi xa nhau, nhưng ngày nghỉ lễ có lần thì anh ra xã N, huyện L thăm vợ con, có lần thì chị D mang con về thăm anh chứ anh chị không sống li thân. Chị D trình bày thường xuyên bị anh đánh đập là không đúng, anh xác định anh chỉ đánh chị D có một lần, đó là vào khoảng tháng 6-2019 chị D đi nghỉ mát cùng với cơ quan, anh không đồng ý nên giữa anh với chị D có xảy ra cãi vã, trong lúc nóng giận anh có đánh vào mặt chị D làm mặt chị D bị bầm tím. Nay chị D xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị D vẫn còn, vì vậy anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Chị D và anh L thống nhất xác định vợ chồng anh chị có một con chung tên là Phạm Dương Đ, sinh ngày 21-7-2014, hiện nay đang ở với chị D. Cả chị D và anh L đều xin được nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị D và anh L thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị D, anh L thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là chị D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; riêng anh L chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1

Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Tạ Thị Thùy D và anh Phạm Tiến L. Về con chung: Giao cháu Phạm Dương Đ, sinh ngày 21-7-2014 cho chị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị D. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Phạm Tiến L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị Thùy D và anh Phạm Tiến L là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 11-11-2013 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được khoảng gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L mãi chơi, hay tụ tập bạn bè, không quan tâm đến gia đình và thường xuyên đánh đập chị D dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, căng thẳng. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh L; còn anh L mặc dù không đồng ý ly hôn chị D nhưng anh cũng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo xác minh tại địa phương, chị D và anh L mâu thuẫn do nguyên nhân bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh L hay tụ tập bạn bè chơi bời, chị D nhiều lần khuyên can nhưng không được dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xích mích, thậm chí đánh nhau. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được chính quyền, đoàn thể địa phương và gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, từ khoảng đầu năm 2015 đến nay anh chị li thân nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị D và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị D được ly hôn anh L là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị D và anh L có một con chung tên là Phạm Dương Đ, sinh ngày 21-7- 2014, hiện nay đang ở với chị D. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét thấy từ khi anh chị li thân nhau đến nay cháu Đ đều ở cùng với chị D và được chị nuôi dưỡng, chăm sóc ăn ở, học hành ổn định; ngoài ra bản thân chị D đang làm kế toán cho Công ty TNHH NTK, địa chỉ tại thôn B, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, có thu nhập ổn định, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cho chị D được quyền nuôi dưỡng cháu Đ, anh L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị D là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị D và anh L cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Tạ Thị Thùy D và anh Phạm Tiến L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Dương Đ, sinh ngày 21-7-2014 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Anh L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D.

Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ.

3. Án phí: Chị Tạ Thị Thùy D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001609 ngày 23 tháng 8 năm

2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị D đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị D biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

